**Thu hồi tài sản trong công cuộc phòng chống tham nhũng: Kinh nghiệm của Canada**

**Sebastien Lafrance[[1]](#footnote-1)\***

Luật sư (Công tố viên), Dịch vụ Công tố Canada

*Bài viết giới thiệu chiến lược pháp lý áp dụng đối với việc thu hồi tài sản ở Canada để trang bị đầy đủ cho độc giả những công cụ cần thiết để hiểu được chiến lược này, quan niệm về tham nhũng – được hiểu trong luật hình sự của Canada cũng như quan niệm về thu hồi tài sản được dự liệu. Một vài vụ án tham nhũng nổi bật tại Canada cũng sẽ được thảo luận.*

**Từ khóa:** *thu hồi tài sản, chống tham nhũng, Canada*

1. **Dẫn nhập**

Canada là một ví dụ trực quan, sinh động liên quan đến vấn đề tham nhũng cũng như chiến lược pháp lý để thu hồi tài sản vì:[[2]](#footnote-2)

Canada thường được coi là ngọn đuốc của nền dân chủ thế giới. Điều này đến từ việc Canada đã phát triển thiết chế và pháp luật để thúc đẩy các giá trị và tường thành dân chủ. Mặc dù nổi tiếng như vậy nhưng Canada cũng đang trải qua một vài thách thức.

Một trong những ví dụ điển hình nhất về tham nhũng trong lịch sử hiện đại của Canada, được truyền thông quan tâm có lẽ là “Bê bối tài trợ”:[[3]](#footnote-3)

Theo kết quả của cuộc trưng cầu dân ý về quyền tự chủ của Quebec năm 1995, Nội các liên bang đã tạo ra Chương trình Tài trợ được thiết kế để trung hòa bước tiến tự chủ và tăng cường giám sát chính quyền liên bang ở Quebec. Nhà báo đã viết một loạt các bài viết về Chương trình này. Anh ta tập trung chủ yếu vào một số hoạt động phức tạp liên quan đến sự quản lý của Chương trình. Sự viện dẫn chính nhắm vào việc sử dụng sai lệch công quỹ. Sau đó là báo cáo thiệt hại từ Tổng Kiểm toán, Ủy ban Hoàng gia tham gia điều tra vụ việc chúng ta đang biết đến là “Bê bối tài trợ.”

Một ví dụ liên quan gần đây là thị trưởng tạm thời của Montreal bị kết án vào năm 2017 vì nhận tiền của chủ thầu bất động sản và công ty kỹ sư để lạm dụng chức vụ, quyền hạn khi còn đương chức.[[4]](#footnote-4)

Như vậy, “sự cố hữu của ví dụ điển hình như vậy về quyền lực đã xa rời khỏi thời cổ. Nó tạo ra một tiếng vọng nhất định trong chiến dịch phòng chống tham nhũng và đức hạnh hóa đời sống chính trị.”[[5]](#footnote-5)

Tác giả Tromme viết “Luật tịch thu tài sản là công cụ mạnh mẽ của các cơ quan thực thi pháp luật trong việc trấn áp tội phạm và tham nhũng thông qua việc tịch thu tài sản bất hợp pháp.”[[6]](#footnote-6) Chúng ta sẽ thảo luận về những công cụ đang được nói tới theo quan niệm của Canada.

1. **Quan niệm về tham nhũng của Canada**

Tác giả Gibbons viết “Dưới dạng cụ thể, tham nhũng chính trị không cần có định nghĩa bởi việc sử dụng thuật ngữ này được số đông chấp thuận nhưng điều này chưa chuẩn xác bởi “tham nhũng” có một số nội hàm khác nhau trong lịch sử văn phạm Anh ngữ.”[[7]](#footnote-7) Ông cũng bổ sung thêm “Hạt nhân của những định nghĩa về tham nhũng là sự lệch lạc trong hành vi đến từ một số quy phạm được thực thi trong hệ thống chính trị.”[[8]](#footnote-8) Để dựa trên và sử dụng nền tảng về mặt định nghĩa cụ thể và dễ hiểu về tham nhũng trong bài tham luận, mục dù biết rằng “tham nhũng cực kỳ khó định nghĩa”[[9]](#footnote-9) thì định nghĩa về tham nhũng thường được các tổ chức chống tham nhũng sử dụng là: “lạm dụng quyền lực để tư lợi trái phép” … nó có thể diễn biến dưới nhiều hình thức và ở cấp độ khác nhau trong hệ thống cơ quan nhà nước.[[10]](#footnote-10) Tác giả Lisciandra cụ thể hóa nội hàm của tham nhũng “ở nghĩa hẹp có thể coi là sự lạm dụng quyền lực công để tư lợi chống lại lợi ích chung. Nhìn hẹp hơn, hối lộ cũng là một hình thức của tham nhũng vì nó bao gồm sự hứa hẹn, trao tạng cũng như thu hút hoặc chấp nhận tham nhũng cũng như các hành động của cá nhân thực hiện nhiệm vụ công hoặc pháp lý.”[[11]](#footnote-11) Kiểu tham nhũng này có thể xuất hiện ở công chức và tư nhân. Hình thức tối giản nhất của tham nhũng trong phạm vi đó là hối lộ công chức.”[[12]](#footnote-12)

Ở Canada, hối lộ là “chỉ là một dạng của tham nhũng” được quy định tại Điều 121 Bộ luật Hình sự, “được ban hành vì mục đích tối hậu là bảo tồn sự liêm chính của chính quyền.”[[13]](#footnote-13) Điều 121(1)(c) quy định các trường hợp mà “công chức hoặc nhân viên chính phủ dù trực tiếp hay gián tiếp yêu cầu, nhận hoặc đồng ý nhận quà, lợi thế hoặc lợi ích cho họ hoặc bất kỳ người khác từ những người đang đấu thầu với chính quyền, trừ khi họ được thủ trưởng cơ quan đang công tác thể hiện sự ưng thuận bằng giấy.”[[14]](#footnote-14) Tòa án Tối cao Canada đã áp dụng Điều 121(1)(c) trong vụ án *R. v. Hinchey*, “không chú trọng vào việc quy định các thỏa thuận thông thường giữa người dân và chính phủ nhưng thực sự liên quan đến các cá nhân tại thời điểm tội phạm được thực hiện có thỏa thuận kinh doanh với chính phủ và quà tặng có thể có tác động lên việc thỏa thuận này.”[[15]](#footnote-15)

Vì nhũng thỏa thuận thông thường với chính phủ có thể có sự tham gia của một cá nhân, một doanh nghiệp hoặc cả hai, từ ngữ nên được rút gọn để mô tả về việc truy tố trách nhiệm hình sự ở Canada. Điều cốt lõi nhất tập trung vào các doanh nghiệp ở Canada theo phán quyết của thẩm phán trong vụ án *R. c. Pétroles Global*, “trách nhiệm hình sự của pháp nhân không còn được áp dụng theo lý thuyết “ý chí trực tiếp” (*directing mind theory*) mà tập trung vào “công chức cấp cao”, đây là một sự thay đổi đáng kể của thông luật.”[[16]](#footnote-16) Công chức cấp cao có thể tạo ra trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp. Lý thuyết về “ý chí trực tiếp” (*directing mind theory*) hoặc học thuyết về xác định doanh nghiệp được Tòa án Tối cao Canada ban hành trong phán quyết của vụ án Canadian Dredge & Dock Co. v. The Queen[[17]](#footnote-17) vào năm 1985: “học thuyết xuất hiện do nhu cầu giải quyết vấn đề như trong hoàn cảnh nào thì doanh nghiệp có thể là chủ thể của trách nhiệm hình sự đối với tội phạm có yếu tố tinh thần (*mens rea*) (tội phạm đòi hỏi ý chí có tội).”[[18]](#footnote-18) Để thêm vào lớp lang phức tạp, cần phải tái hiện lại, tuy nhiên, học thuyết xác định doanh nghiệp chỉ đúng và có thể áp dụng tại Canada.[[19]](#footnote-19) Trong nỗ lực hòa giải hai cách tiếp cận, sẽ là công bằng và thận trọng khi xem xét việc truy tố trách nhiệm hình sự được mở rộng trên thực tế (*de facto*) hơn là chỉ tập trung vào “ý chí trực tiếp” của doanh nghiệp; tuy nhiên hiện tại nó đã được mở rộng thông qua việc ban hành Điều 22.2 Bộ luật Hình sự về “quan chức cấp cao”. Nói tóm lại, một cá nhân hoặc một doanh nghiệp[[20]](#footnote-20) có thể phải chịu trách nhiệm hình sự và bị truy tố tội tham nhũng theo luật hình sự Canada.

Tòa án Tối cao Canada nhận định trong vụ án *R. v. Hinchey*, Điều 121(1)(c) của Bộ luật Hình sự “là một trong vô số các cách Chính phủ cố gắng để đạt được mục đích này (ví dụ như bảo toàn sự liêm chính của chính quyền). Ví dụ, lướt qua Bộ luật Hình sự từ Điều 119 đến Điều 125, các phương pháp khác nhau được luật quy định rõ về nỗ lực ngăn cản các hành vi của cá nhân đang thỏa thuận hoặc làm việc cho Chính phủ.”[[21]](#footnote-21) Để nhìn nhận tổng thể hơn về các Điều, “Cách diễn đạt của Điều 121(1)(a)(ii) khá rõ ràng và toàn diện. Nó được thiết kế để ngăn cản việc công chức trong việc đảm nhận, xem xét, hành động trên phương diện một người đang thỏa thuận với Chính phủ.”[[22]](#footnote-22) Điều 121(1)(b) tập trung vào sự hạn chế lợi ích được trao cho công chức trong quá trình đấu thầu giữa bị can và Chính phủ. Trong vụ án *R. v. Carson*, Tòa án Tối cao Canada lập luận rằng: “Điều 121(1)(c) và Điều 121(1)(d) cố gắng bảo toàn cả sự liêm chính của chính quyền và sự xuất hiện của nó.”[[23]](#footnote-23) Điều 122 nghiêm cấm hành vi lạm dụng tín nhiệm để tham nhũng của công chức.

Các tội danh gắn liền với tham nhũng được đề cập trong cuốn *Corruption of Foreign Public Officials Act (Đạo luật về tham nhũng của công chức ngoại quốc)*[[24]](#footnote-24).[[25]](#footnote-25) Ví dụ trong vụ án R. v. Karigar[[26]](#footnote-26), bị cáo bị buộc tội hối lộ công chức nước ngoài theo đúng Điều 3(1)(b). Theo *Đạo luật đóng băng tài sản của quan chức tham nhũng ngoại quốc (Freezing Assets of Corrupt Foreign Officials Act)[[27]](#footnote-27)*, Chính phủ Canada có thể ban hành trình tự và quy định để đóng băn tài sản hoặc hạn chế tài sản của cựu nguyên thủ quốc gia và quan chức cấp cao với một số tiền đề cụ thể.

Tóm lại, Bộ luật Hình sự và Đạo luật về tham nhũng của công chức ngoại quốc là những mảnh ghép pháp lý quan trọng trong việc quản trị nạn hối lộ ở Canada. Trong bài viết này, chúng ta sẽ tập trung chính vào Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, “luật hình sự Canada không phải là phương thức duy nhất để giải quyết vấn nạn tham nhũng; một vài Đạo luật chứa các quy định kiểm soát các hành vi tham nhũng và gian lận, cũng chính là xung đột lợi ích và các hướng dẫn về đạo đức để điều chỉnh hành vi.”[[28]](#footnote-28) Các giá trị và Bộ quy tắc ứng xử cho khối công (The Values and Ethics Code for Public Sector)[[29]](#footnote-29), tài liệu của Chính phủ mang tên *Chính phủ giải trình – Hướng dẫn dành cho Bộ trưởng và Thứ trưởng (Accountable Government – A Guide for Ministers and Ministers of State)*[[30]](#footnote-30)*, Đạo luật về Xung đột lợi ích*[[31]](#footnote-31), *Đạo luật Vận động hành lang*[[32]](#footnote-32), *Đạo luật Bảo vệ công chức khiếu nại*[[33]](#footnote-33) và *Bộ luật về Xung đột lợi ích của Hạ nghị sĩ*[[34]](#footnote-34) đều là những công cụ pháp lý được ban hành tại Canada để chống lại xung đột lợi ích của dịch vụ công một cách cụ thể[[35]](#footnote-35). Một ghi chú nhỏ là Canada cũng là một lãnh đạo quốc tế liên quan đến việc nghiên cứu và quản lý xung đột lợi ích.[[36]](#footnote-36).

Nói tóm lại, hầu hết các tội danh liên quan đến hành vi hối lộ ở Canada được liệt kê phía dưới.

* Trong *Bộ luật Hình sự:*
  + Hối lộ quan chức tư pháp (Điều 119)
  + Hối lộ công chức (Điều 120)
  + Gian lận trong Chính phủ (Điều 121)
  + Công chức vi phạm tín nhiệ (Điều 122)
  + Tham nhũng cấp thành phố (Điều 123)
  + Mua hoặc bán chức vụ (Điều 124)
  + Ảnh hưởng hoặc dàn xếp hoặc thỏa thuận lên cơ quan (Điều 125)
  + Gian lận (Điều 380)
    - Đây là một tội danh dành cho bất kỳ ai lừa gạt công chúng hoặc bất cứ cá nhân, tài sản, tiền, vật bảo đảm có giá hoặc dịch vụ bằng cách lừa đảo, nói dối hoặc các hình thức gian lận khác. Tòa án Tối cao Canada[[37]](#footnote-37) đã xác định rằng “các hình thức gian lận khác” rất rộng và bao trọn hầu hết các hình thức thiếu trung thực. Do đó, các quy định chung của Bộ luật hình sự về gian lận có thể được áp dụng trong bối cảnh của hối lộ.
  + Nhiệm vụ bí mật (Điều 426): Hối lộ cho mục đích tại Điều này được định nghĩa là tiền thưởng, lợi thể hoặc các lợi ích khác.
* Theo *Đạo luật về tham nhũng của quan chức ngoại quốc*:
  + Hối lộ công chức ngoại quốc (Điều 3)
  + Giả mạo nhằm hối lộ hoặc cải trang hối lộ của công chức ngoại quốc (Điều 4)
* Theo *Đạo luật Xung đột lợi ích:*
  + Quà tặng và các lợi ích khác (Điều 11)
  + Đặc quyền du lịch phi thương mại hoặc máy bay tư (Điều 12)
  + Thỏa thuận với các thực thể công hoặc tư đang đấu thầu với các cơ quan nhà nước (Điều 13)
  + Thỏa thuận với bạn đời, đối tác, con, anh chị em ruột hoặc bố mẹ theo luật chung (Điều 14)
  + Một vài hoạt động liên quan đến tuyển dụng bị nghiêm cấm (Điều 15)
  + Việc gây quỹ tạo ra xung đột lợi ích cho công chức (Điều 16).

1. **Cách thu hồi tài sản ở Canda**

Thu hồi tài sản được định nghĩa là một quy trình pháp lý mà “cơ quan thực thi pháp luật và công tố xác định và theo dấu tài sản, truy tìm tội phạm và người phạm tội và cho phép việc bắt giữ và tịch thu tài sản bất hợp pháp và truy tố thủ phạm.”[[38]](#footnote-38) Các tác giả Brun J., Gray L., Scott C. & Stephenson K. M. giải thích như sau: “hai cơ chế khác nhau đã được phát triển để kiểm soát và bảo toàn tài sản có thể là đối tượng của sự thu hồi: bắt giữ và kiềm chế. Bắt giữ bao gồm sự chiếm hữu vật lý của tài sản đang theo dấu. Các thủ tục kiềm chế là một dạng mệnh lệnh ủy quyền được thẩm phán hoặc tòa án ban hành để hạn chế bất kỳ cá nhân nào trong việc xử lý và phân phối tài sản, chờ việc xác định các thủ tục tịch thu.”[[39]](#footnote-39)

1. **Luật quốc tế**

Theo luật quốc tế, “thu hồi tài sản” nằm trong Công ước LHQ về phòng chống tham nhũng (UNCAC).[[40]](#footnote-40) Văn bản luật cụ thể được hành để nội luật hóa công ước này tại Canada.[[41]](#footnote-41) “Công ước gồm các quy định độc lập để thiết lập các giải pháp và cơ chế cụ thể đối với việc hợp tác hoàn trả tài sản bất hợp pháp theo UNCAC về bản quốc.”[[42]](#footnote-42) Ví dụ, Điều 53 quy định “biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp” như thu hồi và hoàn trả tài sản tham nhũng về bản quốc”[[43]](#footnote-43) trong khi Điều 31 giải quyết việc “đóng băng, bắt giữ và tịch thu” những tài sản như vậy.

1. **Luật Canada**

Ở cấp độ nội địa, tác giả Gerry Ferguson khi chứng thực trước Ủy ban Ngoại vụ và Phát triển quốc tế (Standing Committee on Foreign Affairs and International Development, trực thuộc Hạ viện) đã giải thích rằng: “rửa tiền là mạch máu của tham nhũng. Nó cho phép tham nhũng, phi vụ tham nhũng lớn nở rộ. Đối với tôi, có vẻ như trong 10 thứ thiết yếu để tóm được tham nhũng, thì chúng ta phải cố gắng làm nghẹt thu nhập cá nhân và lợi ích sinh ra từ phi vụ tham nhũng lớn. Một trong vài cách quan trọng để làm được như vậy là tạo ra luật phòng chống rửa tiền và thu hồi hiệu quả.”[[44]](#footnote-44) Do đó, độc giả sẽ không ngạc nhiên khi các chiến lược pháp lý chung áp dụng tại Canada để bắt giữ và thu hồi tài sản trong các vụ án rửa tiền, ví dụ như cũng được áp dụng chung với các vụ án liên quan đến tội phạm tham nhũng, đặc biệt trong bối cảnh mà “tham nhũng thường liên quan đến vài tội danh khác.”[[45]](#footnote-45)

* + 1. **Tài sản bất hợp pháp**

Định nghĩa về tài sản bất hợp pháp của Bộ luật Hình sự rộng nằm tại Điều 462.3(1) bao gồm bất cứ lợi ích hoặc lợi thế nào đến từ các *tội danh về bổ nhiệm* dù trực tiếp hay gián tiếp. Cụ thể hơn, trong vụ án *Sellathurai v. Canada* (Bộ trưởng Bộ an toàn công cộng và chuẩn bị khẩn cấp):[[46]](#footnote-46) Định nghĩa về “tài sản bất hợp pháp” mở rộng hơn mặc dù chưa được hạn chế về phạm vi mà chúng ta xem xét là tài sản đến từ tội phạm. “*Tội phạm về bổ nhiệm có thể bị kết tối có thể tạo ra tài sản hợp pháp bao gồm một số tội phạm nghiêm trọng khác theo Bộ luật Hình sự và các Đạo luật liên bang như hối lộ*.” Việc xác định “cơ sở hợp lý để nghi ngờ về tài sản bị bắt giữ là tài sản bất hợp pháp của nội hàm trong Bộ luật Hình sự…bằng cách chia bản phân tích thành hai phần…bản phân tích bao gồm việc xem xét đâu là sự nghi ngờ hợp lý rằng tài sản bị bắt giữ có liên quan tới tội phạm và tội phạm đó liên quan đến việc bổ nhiệm. Phần thứ hai của cách tiếp cận này khó khăn hơn cả. Chứng cứ liên quan đến tài sản bị bắt giữ và tội phạm nhìn chung khả thi. Tuy nhiên, chứng cứ để chỉ ra sự liên kết giữa tài sản bị bắt giữ và tội danh về bổ nhiệm thì gần như bất khả thi.”[[47]](#footnote-47) Như vậy, Điều 462.39 của Bộ luật Hình sự cho phép tòa án suy luận rằng tài sản được nhận hoặc đến từ tội phạm về bổ nhiệm để kết luận cần phải thu hồi nếu các điều kiện đặc biệt được đáp ứng.

Nếu người phạm tội bị kết tội hối lộ và việc truy tố có thể chứng minh được tiêu chứng chứng cứ (*balance of probabilities*) rằng tài sản bất hợp pháp và người phạm tội đã thực hiện hành vi hối lộ (tội danh về bổ nhiệm) liên quan đến tài sản đó, sau đó việc thu hồi tài sản cần phải được tòa án ra quyết định theo Điều 462.37(1) của Bộ luật Hình sự.

Nhìn hẹp hơn, nếu người phạm tội bị kết tội về bổ nhiệm nhưng tòa án không cảm thấy thuyết phục về việc người phạm tội đã thực hiện hành vi bổ nhiệm liên quan đến tài sản cụ thể. Tòa án phải thận trọng trong việc thu hồi tài sản vì nó cần phải dựa trên sự nghi ngờ hợp lý (*beyond a reasonable doubt*)[[48]](#footnote-48) rằng tài sản dù sao cũng là tài sản bất hợp pháp trong Điều 462.37(2) của Bộ luật Hình sự.

* + 1. **Biện pháp tạm thời**

Đối với biện pháp tạm thời như các biện pháp được thi hành trước khi *vụ án được quyết định dựa trên bản chất*, Điều 462.32 của Bộ luật Hình sự cho phép thẩm phán có thẩm quyền tìm kiếm, bắt giữ và kiềm chế tài sản nếu thẩm phán thỏa mãn về những cơ sở hợp lý kể kết luận tài sản có thể là đối tượng của quy trình thu hồi tài sản. Ngoài ra, Điều 462.33 của Bộ luật Hình sự cho phép thẩm phán đưa ra sự kiềm chế bất cứ cá nhân nào trong việc phân phối hoặc xử lý tài sản ngoại trừ được phép theo luật định.[[49]](#footnote-49) Các biện pháp tạm thời hiển nhiên được thực thi để ngăn chặn việc bằng chứng có thể bị bị can tiêu hủy. Trong bất cứ sự kiện nào, điều này đều đúng và có giá trị khi biết rằng “chỉ có tài sản được chuyển nhượng cho bên thứ ba không được loại trừ khỏi các thủ tục thu hổi.”[[50]](#footnote-50)

* + 1. **Tài sản phạm tội**

Tác giả Hubbard, Murphy và O’Donnell và DeFreitas viết: “Giống như các bản đối chiếu trong Điều 462.37(1) của Bộ luật HÌnh sự cho phép việc thu hồi tài sản bất hợp pháp *sau khi kết tội*, Điều 490.1 cho phép thu hồi tài sản liên quan đến tội phạm mà được kết tội dựa trên sự nghi ngờ hợp lý”[[51]](#footnote-51) Tòa án Phúc thẩm Ontario đưa ra phán quyết trong vụ án *R. v. Trac*, “tài sản liên quan đến tội phạm” có nội hàm rộng hơn, có thể khác với “tài sản bất hợp pháp”. Tài sản bất hợp pháp được định nghĩa tại Điều 462.3(1) để chỉ tài sản “nhận được hoặc suy ra trực tiếp hoặc gián tiếp” đến từ tội phạm về bổ nhiệm. “Tài sản liên quan đến tội phạm” bap hàm tài sản được sử dụng liên quan đến tội phạm về bổ nhiệm. Điều luật hướng đến *các phương thức, phương sách và công cụ* để thực hiện tội phạm.”[[52]](#footnote-52)

**Kết luận**

Tham nhũng dù ở bất kỳ hình thức nào, nhỏ hay lớn, đều là một vấn đề nghiêm trọng mà bất cứ quốc gia nào cũng phải quan tâm. Canada cũng không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, các công cụ pháp lý được thực thi để chống lại tham nhũng và để đảm bảo không vì lợi ích của những cá nhân tham gia cũng như các nỗ lực đều đặn của các cơ quan thực thi pháp luật và công tố để giúp công dân tin vào một tương lai tươi sáng hơn. Như một câu thành ngữ Việt Nam Cái khó ló cái khôn. Do đó, nghịch cảnh do tham nhũng gây ra khiến con người khôn ngoan hơn và hỗ trợ việc thực thi cũng như dần dần phát triển các giải pháp cách tân, tương thích với các quy định sẵn có để giải quyết vấn nạn này.

**Tài liệu tham khảo**

**Sách**

[1] Adam I. & Fazekas M. (2018), *Are emerging technologies helping win the fight against corruption in developing countries?* Pathways for Prosperity Commission Background Paper Series; no. 21, Oxford, United Kingdom.

[2] Basel Institute on Governance, International Centre for Asset Recovery, Development Assistance, Asset Recovery and Money Laundering; Making the Connection 6 (2011).

[3] Collins Hoffman, P.-C., *L’intervention du législateur en matière de responsabilité criminelle des organisations au Canada: analyse de la portée, des lacunes et des incidences du régime codifié* [Legislative Intervention in Corporate Criminal Liability in Canada: Analysis of the Scope, Gaps and Implications of the Codified Regime], LL.M. Thesis, University of Montreal, 2017.

[4] Dion, M. (2018), Conflict of Interest and Ethics Commissioner, *L’évolution de l’approche fédérale en matière d’éthique: événements déterminants, bilan et perspectives* [The evolution of the federal approach to ethics, decisive events, results and perspectives], McLaughlin College, York University, Toronto, Ontario, Canada.

[5] Dobovsek B. (2009), *Prevention of Corruption*, The Human Resources Management Authority, Government of Montenegro, Podgorica, Montenegro.

[6] Gaon A. & Stedman I. (2019), ‘A Call to Action: Moving Forward with the Governance of Artificial Intelligence in Canada’, *Alberta Law Review*, 56(4)

[7] Gibbons K. M., ‘The Study of Political Corruption’ in Kenneth M. Gibbons & Donald Rowat (eds), *Political Corruption in Canada: Cases, Causes and Cures*, Toronto: McClelland & Stewart, 1976.

[8] Harrington J. (2018), *Addressing the Corruption of Foreign Public Officials: Developments and Challenges within the Canadian Legal Lands*, The Canadian Yearbook of International Law, 56.

[9] Hubbard R., Murphy D., O’Donnell F. & DeFreitas P. (2004), *Money Laundering & Proceeds of crime*, Irwin Law Inc.

[10] Lafrance S. (2020), ‘The Rules Applicable to Conflicts of Interests for Canadian State Representatives’, *Vietnam Journal of Legal Sciences*,2(2).

[11] Lafrance S. (2019) ‘Trách nhiệm hình sự của doanh nghiệp tại Canada’ [Corporate criminal liability in Canada] in PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) *Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và những vấn đề đặt ra khi thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự (hiện hành) (Sách chuyên khảo)* [Procedures for criminal prosecution against commercial legal entities and issues raised when implementing the Criminal Procedure Code (current) (Monograph)], Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sư thật [National Political Publishing House].

[12] Leasure, P. (2016), ‘Asset recovery in corruption cases: Comparative analysis identifies serious flaws in US tracing procedure’, *Journal of Money Laundering Control*, 19(1).

[13] Lisciandra M. (2017), ‘Corruption’ in A. Marciano, G.B. Ramello (eds.), *Encyclopedia of Law and Economics*, Springer Science+Media Business.

[14] Mockle D. (2019), ‘Le principe général du bon gouvernement’ [*The General Principle of Good Governance*], *Les Cahiers de droit*, 60(4), 1031-1086.

[15] Sandage, J. (2015). Global Corruption and the Universal Approach of the United Nations Convention against Corruption, *Osgoode Hall Law Journal*, 53(1), 7-30.

[16] Tromme, M. (2019). ‘Waging War against Corruption in Developing Countries: How Asset Recovery can be Compliant with the Rule of Law’, *Duke Journal of Comparative and International Law*, 29(2).

**Bản án**

[17] *Canadian Dredge & Dock Co. v. The Queen*, [1985] 1 S.C.R. 662

[18] *Deloitte & Touche v. Livent Inc. (Receiver of)*, [2017] 2 S.C.R. 855

[19] *Globe and Mail v. Canada (Attorney General)*, [2010] 2 S.C.R. 592

[20] *Livent Inc. v. Deloitte & Touche*, 2016 ONCA 11

[21] *Quebec (Attorney General) v. Laroche*, [2002] 3 S.C.R. 708

[22] *R. c. Applebaum*, 2017 QCCQ 160

[23] *R. v. Carson*, [2018] 1 S.C.R. 269

[24] *R. v. Cogger*, [1997] 2 S.C.R. 845

[25] *R. v. Hinchey*, [1996] 3 S.C.R. 1128

[26] *R. v. Karigar,* 2014 ONSC 3093

[27] *R. v. Olan et al.*, [1978] 2 S.C.R. 1175

[28] *R. c. Pétroles Global inc.*, 2013 QCCS 4262

[29] *R. v. Rosenblum*, 1998 CanLII 4920 (BC CA)

[30] *R. v. Riesberry*, [2015] 3 S.C.R. 1167

[31] *R. v. Rhee*, [2001] 3 S.C.R. 364

[32] *R. c. SNC-Lavalin international inc.*, 2019 QCCQ 7778

[33] *R. v. Théroux*, [1993] 2 S.C.R. 5

[34] *R. v. Trac*, 2013 ONCA 246

[35] *R. v. Zlatic*, [1993] 2 S.C.R. 29

[36] *Sellathurai v. Canada (Minister of Public Safety and Emergency Preparedness)*, [2009] 2 FCR 576

**Tư liệu pháp lý**

[37] *An Act to amend the Criminal Code in order to implement the United Nations Convention against Corruption*, S.C. 2007, c. 13.

[38] *Conflict of Interest Act*, S.C. 2006, c. 9, s. 2.

[39] *Corruption of Foreign Public Officials Act*, S.C. 1998, c. 34.

[40] *Freezing Assets of Corrupt Foreign Officials Act*, S.C. 2011, c. 10.

## [41] *Lobbying Act*, R.S.C. 1985, c. 44 (4th Supp).

## [42] *Public Servants Disclosure Protection Act*, S.C. 2005, c. 46.

[43] Standing Committee on Foreign Affairs and International Development, Number 039, 1st Session, 42nd Parliament, Monday, December 5, 2016.

[44] UN General Assembly United Nations Convention Against Corruption, 31 October 2003, A/58/422.

1. \* Thạc sĩ Luật học ĐH Laval, Cử nhân Luật (ĐH Quebec ở Montreal), Cử nhân Khoa học Chính trị (ĐH Montreal), Học viện Luật Quốc tế La Haye (Hà Lan), Nghiên cứu Nga và Slav (ĐH McGill), biết nhiều ngôn ngữ. Ông hiện là Luật sư Vương miện của Dịch vụ Công tố Canada. Ông là một diễn giả cả ở Canada và nước ngoài bao gồm Việt Nam. Ông là giảng viên luật bán thời gian (Bộ môn Luật Dân sự, Khoa Luật, ĐH Ottawa).

   Các bình luận của tác giả trong bài viết này chỉ phán ảnh suy nghĩ cá nhân và không có bất kỳ một liên kết trực tiếp hay gián tiếp nào với người khác hay tổ chức ngoài tác giả. [↑](#footnote-ref-1)
2. Gaon A. & Stedman I. (2019), ‘A Call to Action: Moving Forward with the Governance of Artificial Intelligence in Canada’, *Alberta Law Review*, 56(4), p. 1165. [↑](#footnote-ref-2)
3. *Globe and Mail v. Canada (Attorney General)*, [2010] 2 S.C.R. 592, paras 4-5. [↑](#footnote-ref-3)
4. *R. c. Applebaum*, 2017 QCCQ 160. The accused was convicted, among other charges, of violating sections 121(1)(*a*), 122 and 123 of the *Criminal Code*, R.S.C. 1985, c. C-46. [↑](#footnote-ref-4)
5. Mockle D. (2019), ‘Le principe général du bon gouvernement’ [*The General Principle of Good Governance*], *Les Cahiers de droit*, 60(4), 1031-1086, p. 1047. Retrieved from <https://doi.org/10.7202/1066349ar> [translated from French by Sébastien Lafrance] [↑](#footnote-ref-5)
6. Tromme, M. (2019). ‘Waging War against Corruption in Developing Countries: How Asset Recovery can be Compliant with the Rule of Law’, *Duke Journal of Comparative and International Law*, 29(2), 165-234. [↑](#footnote-ref-6)
7. Gibbons K. M., ‘The Study of Political Corruption’ in Kenneth M. Gibbons & Donald Rowat (eds), *Political Corruption in Canada: Cases, Causes and Cures*, Toronto: McClelland & Stewart, 1976, p. 3. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ibid, p. 4. [↑](#footnote-ref-8)
9. Sandage, J. (2015). *Global Corruption and the Universal Approach of the United Nations Convention against Corruption*, *Osgoode Hall Law Journal*, 53(1), 7-30, p. 8. [↑](#footnote-ref-9)
10. Adam I. & Fazekas M. (2018), *Are emerging technologies helping win the fight against corruption in developing countries?* Pathways for Prosperity Commission Background Paper Series; no. 21, Oxford, United Kingdom, p. 6. [↑](#footnote-ref-10)
11. Lisciandra M. (2017), ‘Corruption’ in A. Marciano, G.B. Ramello (eds.), *Encyclopedia of Law and Economics*, Springer Science+Media Business, p.1. DOI: 10.1007/978-1-4614-7883-6­\_702-1. [↑](#footnote-ref-11)
12. Dobovsek B. (2009), *Prevention of Corruption*, The Human Resources Management Authority, Government of Montenegro, Podgorica, Montenegro, p. 32. [↑](#footnote-ref-12)
13. *R. v. Hinchey*, [1996] 3 S.C.R. 1128, para. 13. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ibid. [↑](#footnote-ref-14)
15. Ibid, para. 48. [↑](#footnote-ref-15)
16. *R. c. Pétroles Global inc.*, 2013 QCCS 4262, para. 50 [translated from French by Sébastien Lafrance].At least until 2017, “The Pétroles Global case is the only decision rendered following a trial in Canada where a court applied and interpreted the legislative scheme enacted in the *Criminal Code* in 2004”: Collins Hoffman, P.-C., *L’intervention du législateur en matière de responsabilité criminelle des organisations au Canada: analyse de la portée, des lacunes et des incidences du régime codifié* [Legislative Intervention in Corporate Criminal Liability in Canada: Analysis of the Scope, Gaps and Implications of the Codified Regime], LL.M. Thesis, University of Montreal, 2017, p. 76 [translated from French by Sébastien Lafrance] [↑](#footnote-ref-16)
17. [1985] 1 S.C.R. 662. [↑](#footnote-ref-17)
18. *Livent Inc. v. Deloitte & Touche*, 2016 ONCA 11, para. 85. This decision of the Ontario Court of Appeal was appealed before the Supreme Court of Canada (see below), but not on this point. [↑](#footnote-ref-18)
19. For example, see the decision of the Supreme Court of Canada in *Deloitte & Touche v. Livent Inc. (Receiver of)*, [2017] 2 S.C.R. 855, para. 104: “this Court’s decision in *Canadian Dredge*remains the authoritative test for the application of the corporate identification doctrine”. See also Lafrance S. (2019) ‘Trách nhiệm hình sự của doanh nghiệp tại Canada’ [Corporate criminal liability in Canada] in PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) *Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và những vấn đề đặt ra khi thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự (hiện hành) (Sách chuyên khảo)* [Procedures for criminal prosecution against commercial legal entities and issues raised when implementing the Criminal Procedure Code (current) (Monograph)], Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sư thật [National Political Publishing House], p. 391: “có vẻ như hiện nay lý thuyết đồng nhất hóa vẫn còn được nhiều Tòa án ở Canada áp dụng khi truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân.” [It seems that nowadays the identification theory is still being applied by many Canadian courts when prosecuting criminal liability.] [translated from Vietnamese by Sébastien Lafrance]. [↑](#footnote-ref-19)
20. See, e.g., *R. c. SNC-Lavalin international inc.*, 2019 QCCQ 7778, where the corporation SNC-Lavalin was, after a preliminary hearing was held, committed to stand trial pursuant to s. 3(1)b) of the *Corruption of Foreign Public Officials Act*, S.C. 1998, c. 34. [↑](#footnote-ref-20)
21. *R. v. Hinchey*, *supra*, para. 13. [↑](#footnote-ref-21)
22. *R. v. Cogger*, [1997] 2 S.C.R. 845, para. 16. [↑](#footnote-ref-22)
23. *R. v. Carson*, [2018] 1 S.C.R. 269, paras 1 & 38. [↑](#footnote-ref-23)
24. S.C. 1998, c. 34. [↑](#footnote-ref-24)
25. For more information about this Act, see, e.g., Harrington J. (2018), *Addressing the Corruption of Foreign Public Officials: Developments and Challenges within the Canadian Legal Lands*, The Canadian Yearbook of International Law, 56. [↑](#footnote-ref-25)
26. *R. v. Karigar,* 2014 ONSC 3093. [↑](#footnote-ref-26)
27. S.C. 2011, c. 10. [↑](#footnote-ref-27)
28. *R. v. Hinchey*, *supra*, para. 13. [↑](#footnote-ref-28)
29. Ottawa: Treasury Board of Canada, 2003. Retrieved from <https://www.tbs-sct.gc.ca/pol/doc-eng.aspx?id=25049> [↑](#footnote-ref-29)
30. Retrieved from <http://publications.gc.ca/collections/collection_2011/bcp-pco/CP1-3-2011-eng.pdf>. [↑](#footnote-ref-30)
31. S.C. 2006, c. 9, s. 2. [↑](#footnote-ref-31)
32. R.S.C. 1985, c. 44 (4th Supp). [↑](#footnote-ref-32)
33. S.C. 2005, c. 46. [↑](#footnote-ref-33)
34. Standing Orders of the House of Commons - Consolidated version as of December 11, 2019, ‘Conflict of Interest Code for Members of the House of Commons’. Retrieved from

    <https://www.noscommunes.ca/About/StandingOrders/appa1-e.htm>. [↑](#footnote-ref-34)
35. Lafrance S. (2020), ‘The Rules Applicable to Conflicts of Interests for Canadian State Representatives’, *Vietnam Journal of Legal Sciences*,2(2) (forthcoming– December 2020). [↑](#footnote-ref-35)
36. Dion, M. (2018), Conflict of Interest and Ethics Commissioner, *L’évolution de l’approche fédérale en matière d’éthique: événements déterminants, bilan et perspectives* [The evolution of the federal approach to ethics, decisive events, results and perspectives], McLaughlin College, York University, Toronto, Ontario, Canada, p. 11. [↑](#footnote-ref-36)
37. *R. v. Riesberry*, [2015] 3 S.C.R. 1167; *R. v. Théroux*, [1993] 2 S.C.R. 5; *R. v. Zlatic*, [1993] 2 S.C.R. 29; *R. v. Olan et al.*, [1978] 2 S.C.R. 1175. [↑](#footnote-ref-37)
38. Basel Institute on Governance, International Centre for Asset Recovery, Development Assistance, Asset Recovery and Money Laundering; Making the Connection 6 (2011). [↑](#footnote-ref-38)
39. Brun J., Gray L., Scott C. & Stephenson K. M. (2011), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners*, Stolen Asset Recovery Initiative – The World Bank/UNODC, *supra*, p. 76-77. [↑](#footnote-ref-39)
40. *UN General Assembly United Nations Convention Against Corruption*, 31 October 2003, A/58/422. [↑](#footnote-ref-40)
41. *An Act to amend the Criminal Code in order to implement the United Nations Convention against Corruption*, S.C. 2007, c. 13. [↑](#footnote-ref-41)
42. Sandage, J. (2015), *supra*, p. 19. [↑](#footnote-ref-42)
43. Leasure, P. (2016), ‘Asset recovery in corruption cases: Comparative analysis identifies serious flaws in US tracing procedure’, *Journal of Money Laundering Control*, 19(1), p. 6. [↑](#footnote-ref-43)
44. Standing Committee on Foreign Affairs and International Development, Number 039, 1st Session, 42nd Parliament, Monday, December 5, 2016 (1535). [↑](#footnote-ref-44)
45. Brun J., Gray L., Scott C. & Stephenson K. M. (2011), *supra*, p. 34. [↑](#footnote-ref-45)
46. [2009] 2 FCR 576, para. 115 (italics added). [↑](#footnote-ref-46)
47. Ibid, paras 117-118. [↑](#footnote-ref-47)
48. *R. v. Rhee*, [2001] 3 S.C.R. 364, at para. 51 (LeBel J., dissenting, but not on this point): “the standard of proof beyond a reasonable doubt is distinct from, and a higher standard than, proof on a balance of probabilities.” [↑](#footnote-ref-48)
49. *R. v. Rhee*, [2001] 3 S.C.R. 364, at para. 51 (LeBel J., dissenting, but not on this point): “the standard of proof beyond a reasonable doubt is distinct from, and a higher standard than, proof on a balance of probabilities.” [↑](#footnote-ref-49)
50. See *Quebec (Attorney General) v. Laroche*, [2002] 3 S.C.R. 708, at para. 32. [↑](#footnote-ref-50)
51. Hubbard R., Murphy D., O’Donnell F. & DeFreitas P. (2004), *Money Laundering & Proceeds of crime*, Irwin Law Inc., p. 182. [↑](#footnote-ref-51)
52. *R. v. Trac*, 2013 ONCA 246, paras 79-80 (italics added). [↑](#footnote-ref-52)